

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Ánh Sáng

2. Ông Nguyễn Ngọc Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 942/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 7, khu B, ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975.

HKTT: Tổ 7, khu B, ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 46, tổ 2, ấp L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị **Phạm Thị H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống tự nguyện năm 2014, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Long Bình Tân, thành

phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/11/2014. Thời gian một năm đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không hòa thuận với con riêng của chị nên lúc nào cũng kiếm chuyện chửi mắng, có khi còn đánh và xúc phạm chị. Khi mâu thuẫn trầm trọng chị sợ chuyện gây gỗ có thể dẫn đến gây thương tích xảy ra giữa anh T và con trai riêng của chị nên chị đã dọn ra ngoài sinh sống. Vợ chồng sống ly thân khoảng một năm nay, khi chị không sống chung với anh, anh vẫn uống rượu và đến chửi mắng, đập đồ và tranh giành con với chị. Nay yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn anh T do chị đã hết tình cảm, cuộc sống chung không thể tiếp tục.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 11/9/2014.

Thời gian anh chị sống ly thân thì cháu N một tuần sống cùng chị và một tuần sống cùng anh Tc. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N vì cháu là con gái đang tuổi lớn cần mẹ, mỗi lần chị đến đón con về ở chung thì anh T lúc cho lúc không gây khó khăn cho chị, còn chị thì vẫn để anh được tự do đưa đón con. Chị làm nghề kinh doanh mua bán phế liệu, thu nhập hàng tháng được khoảng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), chị cung cấp giấy tờ xác nhận chị mua đi bán lại kiếm lời và thu mua bằng ô tô tải của chị nên có điều kiện đảm bảo việc nuôi dưỡng con tốt.

Chị không đồng ý giao con cho anh T nuôi vì anh đang bị bệnh gout, tuy hiện nay anh có mức thu nhập là tiền lãi cho vay nhưng anh không làm việc được vì bệnh và tiền đó dùng để chữa bệnh cho anh, có khi anh bệnh cả tháng cần người chăm sóc nên sẽ khó khăn trong việc trực tiếp chăm sóc, nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* *Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện hoàn cảnh xây dựng gia đình như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nhưng theo anh không có gì trầm trọng. Do có bất đồng trong quan điểm sống về việc nuôi dạy con cái vì cả hai đều có con riêng, anh có đánh chị H do lúc uống rượu vào vợ chồng có cãi vả anh nóng giận không kiềm chế được và do chị H không tôn trọng anh, mọi việc trong gia đình không bàn bạc với anh nên từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị H ra làm nhà xưởng và dọn ra ngoài sinh sống cách nơi anh đang ở khoảng 02 km khoảng một năm nay và từ tháng 10/2019 vợ chồng sống ly thân, thỉnh thoảng chị H về chăm sóc con

chung của vợ chồng. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn tình cảm vợ chồng với chị H và vì con cái.

Chị H cho rằng thời gian sống ly thân anh có uống rượu rồi qua lại gây gổ với chị cũng do bất đồng trong việc nuôi dạy con cái, anh đến thăm chị H nhưng chị H không tôn trọng anh.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 11/9/2014.

Thời gian sống ly thân thì cháu N sống vài ngày cùng anh rồi vài ngày cùng chị H, qua lại với nhau như vậy chứ không sống hẳn với ai.

Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu chị H cấp dưỡng, chị H yêu cầu nuôi cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng anh không đồng ý vì chị H đi làm suốt ngày còn anh không có việc làm do anh bị bệnh gout nhưng anh ở nhà có điều kiện đưa đón con tốt hơn. Anh không đi làm nhưng anh có thu nhập bằng việc cho vay hàng tháng được khoảng 19.000.000 đồng. Anh có cung cấp cho tòa án hợp đồng vay tài sản có biện pháp bảo đảm là anh cho vợ là chị H vay 500.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) do hai bên thỏa thuận lãi hàng tháng với nhau. Một hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn K thế chấp quyền sử dụng đất để anh cho vay 200.000.000 đồng, tiền lãi hàng tháng thỏa thuận là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và một số khoản cho vay ngoài không làm giấy tờ hàng tháng tiền lãi khoảng 5.000.000 đồng nên không cung cấp cho tòa án được. Anh có điều kiện nuôi con nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cháu N.

Chị H trình bày hàng tháng thu nhập 20.000.000 đồng là không đúng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết để tự thỏa thuận với chị H.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Hiện anh vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện L nên đề nghị Tòa án huyện Long Thành tiếp tục giải quyết vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của chị H, anh T giấy khai sinh con chung; giấy chứng nhận kết hôn; bản tự khai của chị H ngày 05/02/2020, ngày 18/02/2020; đơn đề nghị Tòa án trực tiếp giải quyết ngày 22/10/2019, đơn đề nghị xác minh thu thập chứng cứ ngày 07/02/2020; chứng minh nhân dân của anh T; biên bản lấy lời khai của anh T ngày 10/02/2020, ngày 18/02/2020; đơn đề nghị về việc xin vắng mặt của anh T ngày 10/02/2020; hợp đồng vay tài sản có biện pháp bảo đảm giữa anh T, chị H ngày 25/12/2019, văn bản thỏa thuận về tài sản giữa chị H, anh T ngày 04/10/2019, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tên Nguyễn Văn K và anh T ngày 13/11/2019; biên bản xác minh ngày 10/02/2020, ngày 26/02/2020; tự khai anh Nguyễn Văn K ngày 02/3/2020; chứng minh nhân dân anh K.

Các tình tiết các bên thống nhất: Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tình tiết các bên không thống nhất: Chị H yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng cháu N, anh T không đồng ý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng về phương pháp và quan điểm về việc nuôi con, anh T thừa nhận có hành vi đánh chị vợ chồng đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật. Chị H và anh T Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 11/9/2014.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H ly hôn anh T. Về con chung: Trong thời gian chị H và anh T sống ly thân cho đến nay, cháu N sống cùng anh T vài ngày, sống cùng chị H vài ngày, cả hai đều muốn nuôi con. Tuy nhiên, anh T đang bị bệnh, anh T còn phải chăm sóc cho bản thân mình và cháu N là con gái nên việc chung sống với mẹ sẽ đảm bảo sự phát triển về mặt thể chất và tâm lý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống tự nguyện năm 2014, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/11/2014 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Chị H trình bày quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị H xin ly hôn, anh T không đồng ý. Xét chị H và anh T đều trình bày trong quá trình chung sống có cãi nhau do bất đồng trong việc nuôi dạy con, mối quan hệ giữa anh T với con riêng của chị H có ảnh hưởng nên thường xuyên tranh cãi gây mâu thuẫn nhưng không thể bàn bạc giải quyết được và chị H dọn ra ngoài sinh sống khoảng một năm nay chỉ qua lại chăm sóc con chung, anh chị sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Anh T thừa nhận trong thời gian anh chị sống ly thân, anh có uống rượu rồi qua lại gây gỗ với chị do bất đồng trong việc nuôi dạy con cái và do chị H không tôn trọng anh. Như vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T là trầm trọng, thời gian

sống ly thân mâu thuẫn vẫn kéo dài nhưng không giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt. Trong quá trình tòa án giải quyết đã hòa giải đoàn tụ cho anh chị nhưng không hòa giải đoàn tụ được và chị H vẫn yêu cầu được ly hôn anh T. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H xử cho chị Hằng được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 11/9/2014, các bên đều có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thời gian chị H và anh T sống ly thân, cháu N sống với chị H và anh T mỗi người vài ngày, cả hai đều cung cấp giấy tờ thể hiện có mức thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, anh T bị bệnh gout nên không đi làm được và vẫn điều trị bệnh nên trong việc chăm sóc con cái sẽ gặp khó khăn, hiện anh có nguồn thu nhập từ việc cho vay cũng một phần phục vụ cho việc chữa trị bệnh của anh, anh T còn phải chăm sóc cho bản thân mình. Ngoài ra, cháu N là con gái nên việc chung sống với mẹ sẽ đảm bảo sự phát triển về mặt thể chất và tâm lý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị H, giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Văn T, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 11/9/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002863 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị H đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- UBND phường Long Bình Tân
- GCNKH số 245 ngày 10/11/2014 (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc An